



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THÔNG QUA PHÁT TRIỂN CHUỖI LIÊN KẾT TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM TỪ CÂY QUẾ TẠI HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**Dương Thanh Tình*, Trần Văn Quyết,
Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng**

Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Cây quế được xác định là cây chủ lực trong phát triển kinh tế của huyện Văn Yên trong nhiều năm qua. Sự liên kết trong tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của các tác nhân tạo ra thị trường tiêu thụ ổn định, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, đặc biệt là người dân đồng bào dân tộc thiểu số. Thực tế cho thấy hàng năm các tác nhân tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tạo việc làm cho hàng trăm lao động dân tộc thiểu số với mức thu nhập ổn định hàng triệu đồng mỗi tháng. Thời gian tới, tiềm năng phát triển cây quế của huyện vẫn còn rất lớn, theo đó là sự mở rộng quy mô của các tác nhân tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tạo ra nhu cầu sử dụng lao động, trong đó có lao động dân tộc thiểu số tăng cao.

Từ khóa: sản phẩm quế; tác nhân tiêu thụ; tạo việc làm; chuỗi liên kết tiêu thụ; dân tộc thiểu số

ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng núi phía Bắc, trong đó có Yên Bái là nơi tập trung của hơn 40 dân tộc sinh sống, trong đó 63% là dân tộc thiểu số (DTTS) với khoảng 14,542 triệu người, chiếm 13,5% dân số cả nước, và cũng là nơi có 43 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008 NQ-CP (tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 toàn vùng là 29,3%) [3]. Lao động DTTS trước kia thường sống dựa vào khai thác lâm sản từ rừng, hiện nay nguồn tài nguyên thiên nhiên rừng đang dần suy kiệt, biến đổi khí hậu, số lượng lao động thiếu việc làm ngày càng gia tăng. Để giải quyết thực trạng này, việc phát triển trồng, sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây quế đang là một giải pháp tối ưu cho phát triển kinh tế bền vững ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Huyện Văn Yên nằm ở phía Bắc tỉnh Yên Bái, huyện có địa hình đồi núi cao, nằm trong vùng khí hậu phù hợp với sự sinh trưởng của cây quế, nên vùng quế Văn Yên được hình thành từ lâu đời và gắn liền với cuộc sống của người DTTS. Nhiều hộ có thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ cây quế và hàng nghìn hộ đã xóa đói, giảm nghèo, có cuộc sống ổn định hay trở nên giàu có nhờ cây quế. Nguồn thu từ cây quế mang lại cho người dân Văn

Yên nói chung, từ các hộ đồng bào DTTS nói riêng mỗi năm khoảng trên 540 tỷ đồng, góp phần quan trọng vào thúc đẩy kinh tế, xã hội, thực hiện thắng lợi chương trình xây dựng nông thôn mới [6]. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng giải quyết việc làm cho lao động DTTS thông qua chuỗi tiêu thụ sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, Yên Bái sẽ giúp cho ta cách nhìn mới về việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nguồn nhân lực. Qua đó góp phần đề xuất các giải pháp chính sách nhằm khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tạo việc làm cho người lao động, giữ vững ổn định kinh tế, chính trị an ninh quốc phòng ở khu vực miền núi phía Bắc.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Việc làm và giải quyết việc làm: Theo Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thì “*Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm. Nhà nước, người sử dụng lao động và xã hội có trách nhiệm tham gia giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội có việc làm*”.

Dân tộc thiểu số (DTTS): Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc thì “*DTTS là những*

*Tel:0975266789, Email:thanhtinhTueba@gmail.com

dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Liên kết tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp là phương thức tồn tại và phát triển của các mối quan hệ giữa hộ nông dân với các chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản khác nhằm tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả cao hơn trong sản xuất kinh doanh nông sản, tạo ra sức mạnh cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm, cùng nhau chia sẻ các khả năng, mở ra những thị trường nông sản mới trong những điều kiện nhất định [2].

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp: Nghiên cứu sử dụng các tài liệu, báo cáo về tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của UBND huyện Văn Yên, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Văn Yên, UBND các xã vùng nguyên liệu quế huyện Văn Yên

Thông tin sơ cấp: Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập thông qua điều tra 266 hộ trồng quế là đồng bào DTTS, 146 cơ sở thu gom quế các xã vùng nguyên liệu quế huyện Văn Yên; 39 cơ sở, doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ cây quế (18 cơ sở chế biến vỏ quế; 12 doanh nghiệp chiết xuất tinh dầu quế, 9 cơ sở chế biến gỗ quế) trên địa bàn huyện Văn Yên.

Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả: Sử dụng phương pháp này để hệ thống hoá và phân tích các số liệu thu thập được từ điều tra. Từ phương pháp này có thể tìm ra các mối quan hệ lẫn nhau của các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế

Phương pháp thống kê so sánh: phương pháp này sử dụng để tiến hành phân tích thực trạng sử dụng, thu thập của lao động DTTS tại các tác nhân liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế

Phương pháp PRA: thông qua trao đổi với các cán bộ huyện Văn Yên, các xã vùng nguyên liệu quế; trao đổi, thảo luận với đại diện các hộ trồng quế là DTTS, cơ sở thu gom, các DN chế biến, chiết xuất tinh dầu quế trên địa bàn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả sản xuất quế trên địa bàn huyện Văn Yên

Nằm ở phía Bắc tỉnh Yên Bái, huyện Văn Yên có diện tích tự nhiên trên 139 nghìn ha; trong đó, đất lâm nghiệp chiếm 75%. Huyện Văn Yên sở hữu vùng quế lớn nhất trong cả nước với giống quế được coi tốt nhất và là sản phẩm thứ 16 trên toàn quốc được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm. Cây quế ở Văn Yên đã mang lại thu nhập rất lớn cho người trồng quế nói chung, hộ đồng bào DTTS nói riêng. Hiện nay toàn huyện Văn Yên có 40.091,5ha quế, trong đó 25.357ha được trồng tập trung chủ yếu tại 8 xã vùng nguyên liệu quế đã được xây dựng chỉ dẫn địa lý là: Phong Dụ Thượng, Phong Dụ Hạ, Xuân Tâm, Châu Quế Hạ, Tân Hợp, Đại Sơn, Viễn Sơn, Mỏ Vàng [6].

Những năm qua, huyện Văn Yên đã có nhiều giải pháp để phát triển vùng nguyên liệu quế ổn định, bền vững. Đồng thời, tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm từ vỏ, gỗ và cành, lá quế. Đến nay trên địa bàn huyện có 12 nhà máy sản xuất, chế biến tinh dầu quế; 18 doanh nghiệp, HTX gia công sơ chế, kinh doanh quế vỏ, 9 HTX chế biến gỗ quế, ngoài ra còn có trên 200 cơ sở thu gom quế tại các vùng trồng quế trên địa bàn huyện cùng hàng ngàn hộ cá thể thu mua, gia công, sơ chế, kinh doanh các sản phẩm quế [4].

Các cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cây quế đã góp phần làm gia tăng năng suất, sản lượng, giá trị sản lượng các sản phẩm từ cây quế thời gian qua. Trung bình mỗi năm (giai đoạn 2014 - 2016), Văn Yên xuất ra thị trường khoảng 9.000 tấn vỏ quế khô, 55.000 tấn cành, lá quế, 290 tấn tinh dầu quế và 62.000 m³ gỗ quế, mang lại nguồn thu cho người dân khoảng trên 540 tỷ đồng. Nhiều hộ, trong đó có hộ đồng bào DTTS có thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ cây quế và hàng nghìn hộ đã xóa đói, giảm nghèo, có cuộc sống ổn định hay trở nên giàu có nhờ cây quế [4].

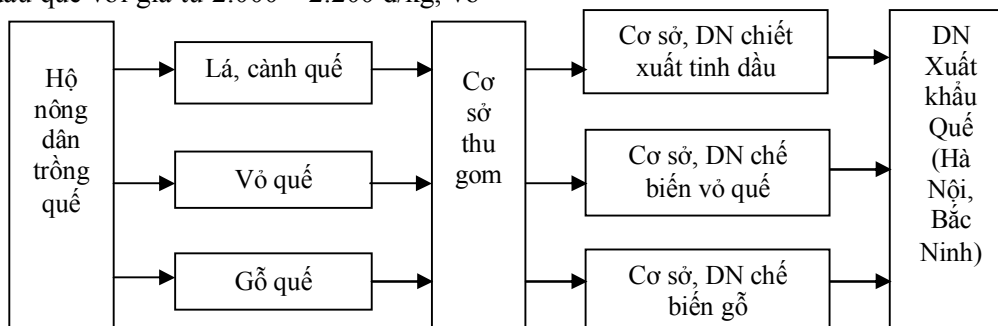
Liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân trên địa bàn huyện Văn Yên

Việc sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế trên địa bàn huyện Văn Yên chủ yếu theo hình thức liên kết dọc với các tác nhân gồm: hộ nông dân trồng quế, cơ sở thu gom; cơ sở, DN chế biến vỏ quế, cơ sở DN chiết xuất tinh dầu quế và cơ sở, DN chế biến gỗ quế. Cụ thể mối quan hệ giữa các tác nhân tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ theo sơ đồ ở hình 1.

Các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân trồng quế gồm: vỏ quế, lá, cành quế và gỗ quế; trong đó sản phẩm vỏ quế là sản phẩm chính. Việc tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế của hộ nông dân được thực hiện chủ yếu thông qua mối quan hệ với các cơ sở thu gom. Các cơ sở thu gom, sau khi khai thác quế, họ sẽ bán lại các sản phẩm cho 3 tác nhân với các sản phẩm khác nhau: lá, cành quế được bán cho các cơ sở, doanh nghiệp chiết xuất tinh dầu quế với giá từ 2.000 – 2.200 đ/kg; vỏ

quế được sơ chế (phơi, cạo vỏ, phân loại...) hoặc bán thẳng cho các cơ sở, doanh nghiệp chế biến vỏ quế với giá dao động từ 37.000 – 42.000đ/kg; gỗ quế được bán lại cho các cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn huyện Văn Yên và tỉnh Yên Bái với giá từ 1 – 1,2 triệu đồng/m³.

Ngoài ra cũng có một số hộ trồng quế tự khai thác sau đó bán các sản phẩm cho các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ, tuy nhiên số lượng này rất ít. Thực tế cho thấy, với tập quán sản xuất lâu đời của các hộ nông dân đồng bào DTTS thì họ muốn bán trắng cho các tác nhân khác và thu về một món tiền lớn ngay thay vì tự khai thác, tự liên hệ để bán các sản phẩm. Mối quan hệ giữa các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất cây quế cũng như tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân đồng bào DTTS trên địa bàn huyện.



Hình 1. Chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Thực trạng giải quyết việc làm cho người dân đồng bào DTTS thông qua liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế

Do địa bàn chủ yếu là đồng bào DTTS, do đó việc cây quế phát triển mạnh mẽ thời gian qua góp phần rất lớn vào giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân huyện Văn Yên nói chung, người dân đồng bào DTTS nói riêng.

Mỗi tác nhân tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ có những nhu cầu, mức độ sử dụng lao động khác nhau, trong đó có sử dụng nhiều lao động là người DTTS.

Bảng 1. Tình hình lao động và thu nhập các hộ trồng quế là đồng bào DTTS năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Quy mô nhỏ (<5ha) (n=193)	Quy mô trung bình (5-10ha) (n=51)	Quy mô lớn (>10ha) (n=22)	Bình quân (n=266)
Số khẩu trong gia đình	Người	4,94	5,06	5,38	5,14
Số lao động trong gia đình	Người	2,95	3,42	3,64	3,44
Thu nhập BQ của hộ từ quế	1.000đ	58.964	66.072	77.286	65.361
Thu nhập BQ/LĐ	1.000đ	19.987	19.319	21.232	19.864

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra, 2016

Bảng 2. Tình hình lao động là người DTTS tại các cơ sở, doanh nghiệp năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Cơ sở thu gom (n=146)	Cơ sở, DN chế biến vỏ quế (n=18)	Cơ sở, DN chế biến gỗ (n=9)	Cơ sở, DN chiết xuất tinh dầu (n=12)
Số lao động BQ	Người	6,54	15,83	21,38	34,27
Lao động là người DTTS	Người	5,02	3,55	2,94	6,35
Tỷ lệ trên tổng lao động	%	76,75	22,47	13,76	18,55
Thu nhập BQ/LĐ/Tháng	1.000đ	2.552	3.852	4.226	4.675

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra, 2016

Qua điều tra 266 hộ DTTS trồng quế tại vùng nguyên liệu quế cho thấy đa số là hộ đồng bào dân tộc Dao với 227 hộ (chiếm 85,33%), dân tộc Tày 28 hộ (10,52%) và dân tộc H'mông là 11 hộ (4,13%). Do có địa hình đồi núi cao, nằm trong vùng khí hậu phù hợp với sự sinh trưởng của cây quế, nên vùng quế Văn Yên được hình thành từ lâu đời và gắn liền với cuộc sống của người Dao. Người Dao ở Văn Yên cần cù, chịu khó, gắn bó với cây quế, nghề quế, nên những kinh nghiệm trồng quế đặc trưng như: chọn giống, trồng cây, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cũng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Dao.

Do đặc điểm của việc sản xuất quế cần nhiều lao động, đặc biệt là các hộ có diện tích quế lớn. Do đó số lượng lao động trong hộ có ảnh hưởng lớn tới kết quả sản xuất quế. Theo kết quả điều tra, bình quân mỗi hộ đồng bào DTTS trồng quế có 3,44 người, trong đó với các hộ có diện tích quế lớn thì số lao động bình quân của hộ là 3,64 người, hộ quy mô nhỏ chỉ có bình quân 2,95 người. Những năm gần đây các sản phẩm từ cây quế có giá trị kinh tế cao mang lại thu nhập tương đối lớn cho các hộ trồng quế, đặc biệt là hộ DTTS. Năm 2016 thu nhập bình quân từ cây quế của hộ DTTS là 65.361 nghìn đồng tương ứng với 19.864 nghìn đồng/lao động, trong đó hộ có quy mô quế lớn có thu nhập bình quân là 77.286 nghìn đồng tương ứng với 21.232 nghìn đồng/lao động. Như vậy, việc sản xuất quế góp phần giải quyết việc làm, mang lại thu nhập tương đối lớn cho hộ trồng quế, trong đó có hộ DTTS, nhiều hộ thoát nghèo vươn lên làm giàu từ cây quế.

Để nâng cao giá trị, hiệu quả của sản xuất quế, các tác nhân tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế có vai trò quan trọng. Các tác nhân này cũng góp phần rất lớn vào giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động địa phương, trong đó có lao động là người DTTS.

Cơ sở thu gom: hầu hết các cơ sở thu gom này đặt tại địa bàn vùng nguyên liệu quế, có quy mô vừa và nhỏ, các cơ sở này thực hiện chủ yếu việc khai thác quế, sơ chế các sản phẩm từ cây quế. Lao động làm việc tại các cơ sở thu gom gồm lao động gia đình và đi thuê người dân địa phương tại vùng nguyên liệu quế. Do đó lao động làm việc tại các cơ sở thu gom chủ yếu là lao động DTTS. Theo kết quả điều tra, trong bình quân 6,54 lao động làm việc tại các cơ sở thu gom thì có tới 5,02 lao động là người DTTS (chiếm 76,75%) với thu nhập bình quân 2.552 nghìn đồng/tháng.

Cơ sở, doanh nghiệp chế biến vỏ quế: sản phẩm vỏ quế được chế biến chủ yếu từ tác nhân này. Sản phẩm vỏ quế sau khi mua từ các cơ sở thu gom sẽ được tiếp tục chế biến thành các sản phẩm khác nhau trước khi bán cho thương lái xuất khẩu. Tác nhân này sử dụng bình quân 15,83 lao động, trong đó chủ yếu là lao động dân tộc Kinh, lao động DTTS chỉ chiếm 22,47 %. Tiêu biểu như HTX Quế Sơn (Xã An Thịnh) sử dụng bình quân khoảng 25 lao động/năm, trong đó lao động thường xuyên là người DTTS là 7 người (chiếm 28%).

Cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ quế: thân cây quế sau khi được bóc vỏ được mua lại từ các cơ sở thu gom, gỗ quế được chế biến

thành các sản phẩm như: gỗ ván bóc, xẻ thanh, gỗ ván ép... Các công việc chế biến gỗ quế được thực hiện bằng máy móc, qua nhiều công đoạn nên sử dụng nhiều lao động. Qua điều tra cho thấy các cơ sở, DN chế biến gỗ quế sử dụng bình quân 21,38 lao động, trong đó lao động DTTS là 2,94 (chiếm 13,76%). Tiêu biểu như Công ty TNHH Quế Lâm (xã An Thịnh) sử dụng bình quân 32 lao động mỗi năm, trong đó thường xuyên có khoảng 5 lao động là người DTTS.

Cơ sở, doanh nghiệp chiết xuất tinh dầu quế: do tính chất của hoạt động chiết xuất tinh dầu nên tác nhân này sử dụng khá nhiều lao động. Kết quả điều tra cho thấy bình quân các cơ sở, doanh nghiệp chiết xuất tinh dầu quế sử dụng 34,27 lao động, trong đó lao động người DTTS bình quân 6,35 người. Một trong các cơ sở chiết xuất tinh dầu có sử dụng nhiều lao động là Công ty TNHH Đạt Thành (xã Đông Cuông) sử dụng bình quân khoảng 60 lao động mỗi năm, trong đó thường xuyên có khoảng 10 lao động là người DTTS.

Như vậy, ngoài hộ trồng quế và cơ sở thu gom, các tác nhân còn lại trong chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây quế sử dụng ít lao động DTTS hơn. Việc sử dụng ít lao động DTTS là do các tác nhân này đặt tại khu vực trung tâm các xã và huyện Văn Yên, cách xa khu vực sinh sống của đồng bào DTTS. Ngoài ra các công việc của các tác nhân này đòi hỏi yêu cầu cao hơn, phức tạp hơn về kỹ thuật do đó các lao động là người DTTS ngại làm việc.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Qua nghiên cứu cho thấy việc phát triển sản xuất cây quế, đặc biệt là phát triển liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động địa phương, trong đó có lao động DTTS. Các tác nhân trong chuỗi liên kết tiêu thụ hàng năm tạo việc làm cho hàng trăm lao động DTTS, với mức thu nhập hàng triệu đồng mỗi tháng. Tuy nhiên mức độ sử dụng lao động là người DTTS vẫn còn ít tại các tác nhân chế biến vỏ quế, gỗ quế và chiết xuất tinh dầu. Thời gian tới, huyện Văn Yên cần tiếp tục kết hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây quế đào tạo, tập huấn tiếp cận, nâng cao tay nghề cho lao động DTTS, đặc biệt các công việc liên quan đến vận hành máy móc thiết bị, chế tác các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cây quế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2011), *Nghị định về công tác dân tộc*, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011
2. Vũ Đức Hạnh (2015), *Nghiên cứu các hình thức liên kết trong tiêu thụ nông sản của hộ nông dân tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
3. Vũ Thị Thanh Minh (2015), “Một số giải pháp bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc*, tháng 01/2015, tập số 169, tr. 43.
4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Văn Yên (2016), *Báo cáo kết quả sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế trên địa bàn huyện Văn Yên giai đoạn 2011 – 2015*.
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Bộ luật Lao động*, số 10/2012/QH13 ngày 18/06/2012
6. UBND huyện Văn Yên (2014, 2015, 2016), *Thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển cây quế trên địa bàn huyện Văn Yên*.

SUMMARY

EMPLOYMENT CREATION POTENTIAL FOR ETHNIC MINORITIES THROUGH VALUE CHAIN DEVELOPMENT OF CINNAMON PRODUCTS IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION OF VIETNAM - A CASE STUDY OF VAN YEN DISTRICT, YEN BAI PROVINCE

**Duong Thanh Tinh^{*}, Tran Van Quyet,
Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung**

University of Economics and Business Administration - TNU

Cinnamon has been considered to be a strategic tree in socio-economic development of the Van Yen district for many years. The development of linkages between actors in the cinnamon value chain is significant to expand market of cinnamon products, create employment and improve income for local people, particularly for ethnic minorities. Every year, actors of the cinnamon value chain create hundreds of employments for ethnic minorities with an average monthly income of millions dong. The district has a potential to develop the cinnamon tree and its products. In addition, the expansion and involvement of different actors in the value chain will create a high demand for employment and contribute to reduce poverty.

Key words: *cinnamon products, market agents, employment, value chain linkages, ethnic minorities*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 06/10/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

^{*} Tel: 0975266789; Email: thanhtinhueba@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219